

CHUYỂN ĐỔI TỪ MÔ HÌNH CỤC TĂNG TRƯỞNG SANG MÔ HÌNH KIẾN TẠO: TRƯỜNG HỢP MỘT SỐ THÀNH PHỐ TRÊN THẾ GIỚI VÀ KINH NGHIỆM CHO THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG VÙNG KINH TẾ ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Phạm Xuân Trường¹

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Khuất Vũ Ngọc Linh²

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Lê Trung Hiếu³

Sở Tài chính Thành phố Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 15/10/2025; Ngày hoàn thành biên tập: 03/11/2025; Ngày duyệt đăng: 10/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.38203/jiem.vi.102025.1405>

Tóm tắt: Nghiên cứu kiểm định quá trình chuyển đổi mô hình phát triển của Hà Nội từ “cục tăng trưởng” sang “cục kiến tạo” trong vùng kinh tế Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2016-2024. Dữ liệu từ thống kê tổng sản phẩm trên địa bàn, đầu tư trực tiếp nước ngoài, cơ cấu kinh tế vùng và các văn kiện quy hoạch, chính sách phát triển đô thị của Việt Nam và quốc tế được phân tích bằng phương pháp phân tích định tính kết hợp so sánh quốc tế, đối chiếu trường hợp Hà Nội với ba đô thị điển hình gồm Tokyo (Nhật Bản), Seoul (Hàn Quốc) và Thâm Quyển (Trung Quốc). Kết quả cho thấy, mặc dù tỷ trọng tổng sản phẩm trên địa bàn và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Hà Nội trong vùng có xu hướng giảm, nhưng đây không phải là dấu hiệu suy yếu mà phản ánh sự dịch chuyển vai trò từ trung tâm công nghiệp - vật chất sang trung tâm kiến tạo tri thức, thể chế và văn hóa hợp tác

¹ Khóa 44

² Khóa 58, Tác giả liên hệ, Email: ngocolinh@ftu.edu.vn

³ Sở Tài chính Thành phố Hà Nội

vùng. Hà Nội đang dần trở thành cực kiến tạo của vùng thông qua việc phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, cơ chế điều phối thể chế liên vùng và lan tỏa nguồn lực nghiên cứu và phát triển. Từ đó, bài viết đề xuất định hướng chính sách cho Hà Nội chuyển trọng tâm từ cạnh tranh thu hút nguồn lực sang kiến tạo thể chế và tri thức vùng, góp phần thúc đẩy phát triển bao trùm và bền vững cho toàn vùng Đồng bằng sông Hồng.

Từ khóa: Cực tăng trưởng, Đồng bằng sông Hồng, Hà Nội, Kiến tạo phát triển, Lan tỏa vùng.

TRANSITION FROM THE GROWTH POLE MODEL TO THE DEVELOPMENTAL MODEL: SOME INTERNATIONAL CITY CASES AND LESSONS FOR HANOI IN THE RED RIVER DELTA ECONOMIC REGION

Abstract: This study examines the transformation of Hanoi's development model from a "growth pole" to a "developmental pole" within the Red River Delta economic region during the period 2016-2024. Based on Perroux's (1950) growth pole theory and the constructivist development approach proposed by Jeannerat and Crevoisier (2016), the study employs a qualitative analytical method combined with international comparison, contrasting Hanoi's case with four representative cities: Tokyo (Japan), Seoul (Korea), and Shenzhen (China). Data are synthesized from gross regional domestic product and foreign direct investment statistics, regional economic structure indicators, and key planning and urban development policy documents from both Vietnam and international sources. The results indicate that although Hanoi's gross regional domestic product share and foreign direct investment attraction within the region have shown a declining trend, this does not signal a loss of competitiveness but rather a structural shift in its role—from an industrial and material center to a knowledge-institutional hub fostering regional cooperation. Hanoi is gradually evolving into the developmental pole of the region through the advancement of innovation ecosystems, inter-provincial institutional coordination mechanisms, and the diffusion of research and development resources. Accordingly, the study proposes policy orientations for Hanoi to shift its focus from competing for resource attraction toward constructing regional institutions and knowledge foundations, thereby promoting inclusive and sustainable development across the entire Red River Delta region.

Keywords: Growth Pole; Red River Delta; Hanoi; Development Creation; Regional Spread.

1. Giới thiệu

Vùng kinh tế Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) là một trong hai vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất Việt Nam, giữ vị trí trung tâm phát triển của miền Bắc. Với

diện tích hơn 21.000 km² và bao gồm bảy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc), vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước, hạ tầng phát triển đồng bộ và đóng vai trò đầu tàu trong công nghiệp, dịch vụ, giáo dục và đổi mới sáng tạo. Trong cấu trúc ba cực động lực của vùng - Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh - Thủ đô Hà Nội được xác định là cực tăng trưởng trung tâm, dẫn dắt tăng trưởng và lan tỏa phát triển ra toàn vùng.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2016-2024, tỷ trọng đóng góp tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của Hà Nội trong tổng GRDP vùng giảm từ 54,3% xuống 47,6%, trong khi Hải Phòng và Quảng Ninh tăng trưởng vượt trội, đặc biệt trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và công nghiệp chế biến - chế tạo. Sự dịch chuyển này đặt ra câu hỏi: liệu Hà Nội đang suy giảm vai trò cực tăng trưởng truyền thống, hay đang chuyển đổi sang một mô hình phát triển mới mang tính kiến tạo - nơi tri thức, thể chế và đổi mới sáng tạo trở thành động lực chính?

Nghiên cứu này nhằm làm rõ quá trình chuyển đổi mô hình phát triển của Hà Nội từ cực tăng trưởng sang cực kiến tạo trong bối cảnh vùng ĐBSH đang tái cấu trúc theo hướng đa cực từ đó bổ sung cho khoảng trống nghiên cứu là thiếu các phân tích toàn diện về sự tiến hóa mô hình phát triển đô thị của Hà Nội dưới góc nhìn lý thuyết cực tăng trưởng (Perroux, 1950) và kiến tạo phát triển (Jeannerat & Crevoisier, 2016). Bài viết kết hợp phân tích định tính với so sánh quốc tế giữa Hà Nội và các thành phố đã chuyển đổi thành công như Tokyo, Seoul và Thâm Quyển để rút ra bài học chính sách phù hợp.

Cấu trúc bài viết gồm 6 phần. Sau phần giới thiệu, Phần 2 trình bày cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu. Phần 3 bàn về thực tiễn về chuyển đổi mô hình cực tăng trưởng sang mô hình kiến tạo trên thế giới. Phần 4 nghiên cứu trường hợp của thành phố Hà Nội trong vùng kinh tế ĐBSH. Phần 5 đưa ra hàm ý chính sách. Cuối cùng, Phần 6 trình bày kết luận.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1 Mô hình cực tăng trưởng

Lý thuyết cực tăng trưởng do François Perroux (1950) khởi xướng, cho rằng tăng trưởng kinh tế không diễn ra đồng đều mà tập trung tại các điểm hay cực có khả năng lan tỏa mạnh ra vùng xung quanh. Các cực này là nơi tập trung doanh nghiệp chủ đạo, ngành công nghiệp mũi nhọn và các liên kết sản xuất - tiêu dùng tạo nên hiệu ứng lan tỏa không gian. Boudeville (1966) sau đó phát triển lý thuyết này theo hướng gắn cực tăng trưởng với địa bàn lãnh thổ cụ thể, định nghĩa đó là khu vực tập trung các hoạt động kinh tế có thể tạo ra và lan truyền tăng trưởng thông qua các hiệu ứng lan tỏa.

Một cực tăng trưởng thường có ba đặc tính: tính tập trung - nguồn lực (vốn, nhân lực, công nghệ) dồn vào khu vực trung tâm; tính lan tỏa - tăng trưởng mở

rộng ra vùng ngoại vi thông qua đầu tư, hạ tầng, thương mại; và tính động lực - trung tâm phát triển kéo theo thay đổi cấu trúc vùng, hình thành mô hình trung tâm - vệ tinh.

Sau Thế chiến II, lý thuyết này được vận dụng rộng rãi trong quy hoạch vùng Châu Âu (Parr, 1999) và trở thành nền tảng cho chiến lược phát triển công nghiệp - đô thị theo hướng tập trung - lan tỏa. Ở Châu Á, các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan áp dụng lý thuyết này trong quy hoạch các hành lang công nghiệp và tam giác tăng trưởng. Tiêu biểu là tuyến Tokyo - Nagoya - Osaka (Nhật Bản) tập trung 70% GDP quốc gia, vùng Seoul - Incheon - Gyeonggi (Hàn Quốc) hình thành megaregion, hay tam giác Thâm Quyển - Quảng Châu - Hồng Kông (Trung Quốc) - trung tâm công nghiệp và dịch vụ toàn cầu hóa vùng Châu thổ sông Châu Giang.

2.2 Mô hình kiến tạo phát triển

Mô hình kiến tạo phát triển xuất phát từ tư duy vùng học hỏi và hệ sinh thái đổi mới trong kinh tế tri thức, coi phát triển vùng là quá trình xã hội - thể chế - tri thức được đồng kiến tạo bởi nhiều tác nhân (Jeannerat & Crevoisier, 2016). Theo hai tác giả, cực kiến tạo là nơi kiến tạo giá trị thông qua phối hợp giữa thể chế, tri thức địa phương và sự tham gia cộng đồng, còn gọi là territorial constructivism, tạo lập không gian phát triển nhờ tương tác giữa các chủ thể xã hội, kinh tế và thể chế, chứ không chỉ dựa vào vốn hay vị trí địa lý.

Ở cấp đô thị, mô hình này nhấn mạnh đồng kiến tạo giữa Nhà nước - Doanh nghiệp - Viện trường - Cộng đồng; còn ở cấp vùng, nó mở rộng thành kiến tạo liên vùng, trong đó một đô thị trung tâm đóng vai trò nền tảng thể chế - tri thức, dẫn dắt hợp tác và lan tỏa phát triển ra vùng xung quanh. Các cực trung tâm như Tokyo, Seoul hay Hà Nội không dẫn dắt vùng bằng quy mô kinh tế, mà bằng năng lực kiến tạo tri thức, thể chế và hạ tầng kết nối.

Mô hình này có năm đặc trưng chính. Một là kiến tạo thể chế vùng. Chính quyền trung tâm là kiến trúc sư thể chế vùng (regional institutional architect), điều phối quy hoạch, hạ tầng, công nghiệp và nhân lực thông qua hội đồng điều phối vùng, như Tokyo Region Governance, Seoul Metropolitan Council hay Greater Bay Area Innovation Council (Trung Quốc). Hai là kiến tạo hạ tầng tri thức và đổi mới. Liên kết đại học, viện nghiên cứu, khu công nghệ cao, hình thành hành lang tri thức vùng như Seoul - Daejeon (Hàn Quốc) hay Tokyo - Tsukuba (Nhật Bản). Tri thức trở thành hạ tầng vùng - nền tảng của phát triển bền vững. Ba là mạng lưới đồng kiến tạo vùng. Mở rộng từ mô hình hợp tác bốn bên địa phương sang mô hình hợp tác bốn bên vùng, gồm liên kết ngang (Randstad, Kansai), dọc (Tokyo - Kanagawa, Thượng Hải - Hàng Châu) và mạng (Skåne, Oulu). Nhờ đó, địa phương chuyển từ cạnh tranh sang hợp tác, cùng nâng cao năng lực vùng. Bốn là kiến tạo bản sắc vùng và văn hóa hợp tác. Bản sắc vùng là

vốn xã hội (Raagmaa, 2001), được củng cố qua văn hóa tri thức, thương hiệu vùng như Kansai Innovation Hub, Greater Seoul Smart Belt. Năm là kiến tạo bền vững và lan tỏa bao trùm, gồm lan tỏa tri thức, thể chế và xã hội, tạo vòng xoáy đồng kiến tạo tích cực. Mô hình Seoul - Gyeonggi - Incheon Co-creation Belt hay Tokyo Metropolitan Region minh chứng năng suất vùng tăng mạnh khi trung tâm chia sẻ công nghệ, hạ tầng và ngân sách.

Tổng hợp lại, mô hình kiến tạo phát triển là quá trình dưới - lên và đồng kiến tạo, trong đó thành công phụ thuộc vào mức độ hợp tác, tin cậy và học hỏi thể chế giữa các địa phương.

3. Thực tiễn về chuyển đổi mô hình cực tăng trưởng sang mô hình kiến tạo trên thế giới

Trong quá trình phát triển kinh tế - đô thị, nhiều thành phố từng được quy hoạch theo mô hình cực tăng trưởng, đóng vai trò đầu tàu lan tỏa khu vực. Tuy nhiên, khi đạt đến ngưỡng phát triển nhất định, mô hình này bộc lộ hạn chế như quá tải hạ tầng, bất bình đẳng vùng và suy giảm năng lực sáng tạo nội sinh. Trước bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và yêu cầu phát triển bền vững, các đô thị buộc phải chuyển đổi sang mô hình kiến tạo phát triển, nếu không sẽ suy giảm vị thế.

Hai xu hướng này thể hiện rõ qua các ví dụ quốc tế: Detroit (Hoa Kỳ) và Liverpool (Anh) từng là cực tăng trưởng công nghiệp nhưng suy yếu khi không chuyển đổi sang kinh tế tri thức; trong khi Tokyo, Seoul và Thâm Quyển lại thành công khi tái cấu trúc từ trung tâm công nghiệp sang đô thị kiến tạo tri thức và đổi mới sáng tạo, trở thành hạt nhân sáng tạo quốc gia.

Theo mô hình kiến tạo phát triển (Evans, 1995; Rodrik, 2004; Jeannerat & Crevoisier, 2016), sự khác biệt nằm ở năng lực thể chế và khả năng học hỏi. Đô thị chỉ duy trì vai trò trung tâm khi chuyển từ tăng trưởng vật chất sang kiến tạo tri thức và thể chế học hỏi, nơi chính quyền - doanh nghiệp - viện trường - cộng đồng cùng đồng kiến tạo tri thức và chính sách thích ứng.

Bài viết lựa chọn ba trường hợp quốc tế - Tokyo, Seoul và Thâm Quyển dựa trên các tiêu chí. Thứ nhất, từng là cực tăng trưởng quốc gia và chuyển đổi thành công. Thứ hai, đại diện cho bối cảnh phát triển đa dạng. Thứ ba, có tính tương đồng với Hà Nội về vai trò thủ đô và trung tâm vùng. Trên cơ sở đó, nghiên cứu phân tích ba giai đoạn tiến hóa - hình thành, giới hạn và chuyển hóa - nhằm rút ra hàm ý chính sách cho các đô thị đang phát triển, đặc biệt là Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi mô hình phát triển vùng ĐBSH.

3.1 Trường hợp Tokyo (Nhật Bản): từ cực công nghiệp sang đô thị kiến tạo tri thức

Sau Thế chiến II, Nhật Bản triển khai chiến lược Phát triển tuyến vành đai công nghiệp Tokaido, lấy Tokyo làm trung tâm của tam giác tăng trưởng Tokyo -

Nagoya - Osaka. Chính phủ tập trung đầu tư hạ tầng, công nghiệp nặng và năng lượng, biến Tokyo trở thành cực tăng trưởng quốc gia, chiếm hơn 30% GDP cả nước (Fujita & Thisse, 2002). Giai đoạn này phản ánh mô hình cực tăng trưởng điển hình - tập trung vốn, lao động kỹ năng cao và liên kết ngành tạo hiệu ứng lan tỏa vùng (Boudeville, 1967).

Tuy nhiên, đến thập niên 1980, Tokyo đối mặt với hệ lụy của phát triển tập trung: quá tải hạ tầng, ô nhiễm, giá nhà tăng cao, già hóa dân số và suy giảm sáng tạo. Khủng hoảng thập kỷ mất mát (1990s) cho thấy giới hạn của mô hình tăng trưởng dựa vào đầu tư vật chất mà thiếu đổi mới tri thức (Fujita & Hill, 1993).

Sau khủng hoảng, Tokyo chuyển sang mô hình Creative City Tokyo, tái cấu trúc đô thị dựa trên tri thức, văn hóa và sáng tạo (Hideaki, 2023). Chiến lược này thể hiện rõ tư duy kiến tạo qua ba hướng: chính quyền kiến tạo - Tokyo Metropolitan Government đóng vai trò điều phối mạng lưới tri thức, hợp tác với đại học và doanh nghiệp; phát triển hệ sinh thái sáng tạo - quy hoạch các khu như Roppongi Hills, Shibuya, Otemachi thành innovation districts; và tăng cường đồng kiến tạo cộng đồng - tái thiết không gian công cộng và phục hồi đô thị theo hướng đồng thiết kế.

Hiện nay, Tokyo nằm trong Top 5 global knowledge cities (Global Power City Index, 2023) với hơn 400 viện R&D, 3.000 startup và 11 đại học lớn, trở thành biểu tượng của đô thị kiến tạo tri thức, nơi chính sách, sáng tạo và văn hóa cùng hòa quyện trong hệ sinh thái tri thức bền vững.

3.2 Trường hợp Seoul (Hàn Quốc): từ cực công nghiệp sang thành phố kiến tạo thông minh

Trong thời kỳ công nghiệp hóa (1960-1990), chính phủ Hàn Quốc dưới thời Park Chung-Hee chọn Seoul làm cực tăng trưởng trung tâm của chiến lược phát triển quốc gia. Các Kế hoạch 5 năm tập trung đầu tư hạ tầng, khu công nghiệp và các tập đoàn chaebol như Samsung, Hyundai, LG, giúp Seoul nhanh chóng trở thành đầu tàu kinh tế, chiếm gần 1/5 dân số và hơn 30% GDP quốc gia. Tuy nhiên, mô hình này dẫn tới bất cân đối vùng nghiêm trọng khi năm 1990, GDP bình quân đầu người tại Seoul cao gấp 2,5 lần mức trung bình cả nước (OECD, 2005).

Tăng trưởng tập trung quá mức khiến Seoul đối mặt với tắc nghẽn hạ tầng, ô nhiễm, chi phí sinh hoạt cao và khoảng cách vùng ngày càng lớn. Tỷ lệ di cư vào Seoul giai đoạn 1980-1995 chiếm 43% dân số đô thị hóa mới, trong khi các tỉnh Gangwon, Jeolla, Gyeongsang phát triển chậm. Những bất cập này buộc chính phủ phải chuyển hướng sang hệ sinh thái sáng tạo và hợp tác vùng.

Từ đầu thế kỷ XXI, Seoul triển khai tầm nhìn Smart Seoul - Co-creation City, kết hợp chuyển đổi số, quản trị mở và đổi mới xã hội. Thành phố trở thành

trung tâm lan tỏa kiến tạo vùng thông qua ba chính sách chính. Một là lan tỏa hạ tầng số. Chương trình Seoul Metropolitan Innovation Corridor (SMIC) kết nối Seoul - Incheon - Gyeonggi qua nền tảng dữ liệu và logistics thông minh; hơn 85% chính quyền vùng thủ đô đã tích hợp Smart City Data Hub (2019). Hai là mạng lưới sáng tạo vùng. Seoul mở rộng các trung tâm khởi nghiệp vệ tinh, hình thành hơn 18.000 startup vùng thủ đô - chiếm 50% cả nước (2023). Ba là lan tỏa văn hóa và xã hội. Dự án Cheonggyecheon Restoration (2003-2005) và chương trình Citizen Participation Budgeting được nhân rộng tới 52 địa phương (Seoul Metropolitan Government, 2019).

Nhờ vai trò hạt nhân kiến tạo, Seoul được World Bank (2024) đánh giá là Global model for co-creative smart regional governance. GRDP bình quân đầu người vùng thủ đô đạt 46.000 USD năm 2023, cao gấp 1,7 lần mức trung bình quốc gia. Đây là minh chứng cho sự chuyển hóa thành công từ cực công nghiệp sang trung tâm kiến tạo đổi mới và bao trùm.

3.3 Trường hợp Thâm Quyển (Trung Quốc): Từ cực công nghiệp xuất khẩu sang đô thị kiến tạo đổi mới và thể chế vùng

Sau chính sách Đổi mới và Mở cửa (1978), Thâm Quyển được chọn làm Đặc khu kinh tế đầu tiên của Trung Quốc năm 1980, thí điểm cơ chế thị trường, thu hút FDI và thúc đẩy xuất khẩu (Chen & de' Medici, 2013). Nhờ vị trí giáp Hồng Kông, nguồn lao động dồi dào và chính sách linh hoạt, Thâm Quyển nhanh chóng trở thành cực tăng trưởng công nghiệp - xuất khẩu, với GDP tăng trung bình 28%/năm và xuất khẩu đạt 45 tỷ USD năm 2000, chiếm 13% tổng xuất khẩu quốc gia. Dân số tăng từ 30 nghìn lên 7 triệu người, minh chứng cho đô thị hóa nhanh nhất Châu Á (UN-Habitat, 2019).

Tuy nhiên, mô hình dựa vào FDI và chi phí thấp sớm bộc lộ hạn chế: công nghiệp chế biến chiếm hơn 56% GRDP, dịch vụ tri thức chỉ 8%; ô nhiễm, giá nhà và chênh lệch vùng gia tăng; các đô thị vệ tinh như Đông Hoàn, Huệ Châu phụ thuộc chuỗi cung ứng giá trị thấp (Cheng & cộng sự, 2023).

Từ thập niên 2010, Thâm Quyển tái định vị thành đô thị kiến tạo đổi mới và thể chế vùng, trung tâm của vùng Vịnh Lớn Quảng Đông - Hồng Kông - Ma Cao (GBA) (Investcorp, 2022). Quá trình chuyển đổi dựa trên ba trụ cột. Một là kiến tạo thể chế - mô hình một cửa - một giấy phép, sandbox pháp lý, hơn 300 chính sách thử nghiệm về FDI, fintech, dữ liệu. Hai là kiến tạo tri thức - công nghệ - chuyển sang công nghiệp công nghệ cao với Huawei, Tencent, BYD, DJI. Ba là kiến tạo vùng - hình thành Vành đai sáng tạo GBA kết nối Thâm Quyển - Đông Hoàn - Huệ Châu qua các cụm Songshan Lake, Huizhou Digital Zone, Qianhai.

Nhờ vai trò hạt nhân kiến tạo, Liên Hợp Quốc vinh danh Thâm Quyển là thành phố tiên phong về quản trị đô thị đổi mới, hình mẫu cho mô hình phát triển kiến tạo vùng - lan tỏa tri thức, thể chế và đổi mới ra toàn GBA.

Cả ba trường hợp Tokyo, Seoul và Thâm Quyển đều thể hiện quá trình chuyển đổi từ “cực tăng trưởng công nghiệp” sang “cực kiến tạo tri thức - đổi mới”. Điểm chung là chính quyền đô thị đóng vai trò trung tâm điều phối mạng lưới tri thức và thể chế vùng; phát triển hệ sinh thái sáng tạo thông qua các khu đổi mới; thúc đẩy hợp tác công - tư - đại học; và lan tỏa tri thức, văn hóa, công nghệ ra vùng lân cận. Mục tiêu cuối cùng là hình thành mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, sáng tạo và phát triển bền vững, thay thế cho mô hình dựa vào công nghiệp và đầu tư vật chất.

4. Nghiên cứu trường hợp của thành phố Hà Nội trong vùng kinh tế đồng bằng sông Hồng

Tại Việt Nam, khái niệm cực tăng trưởng được chính thức áp dụng từ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, và sau đó là trong Nghị quyết 30-NQ/TW về phát triển vùng ĐBSH. Hà Nội được xác định là cực tăng trưởng số một của vùng và là cực trung tâm quốc gia, bên cạnh thành phố Hồ Chí Minh ở phía Nam và Đà Nẵng ở miền Trung. Tuy nhiên, số liệu thực tế giai đoạn 2015-2024 cho thấy, vai trò của Thủ đô trong vùng kinh tế ĐBSH đang có phần suy giảm.

Bảng 1. Tỷ trọng đóng góp GRDP của các tỉnh trong vùng kinh tế ĐBSH giai đoạn 2015-2024

Đơn vị: %

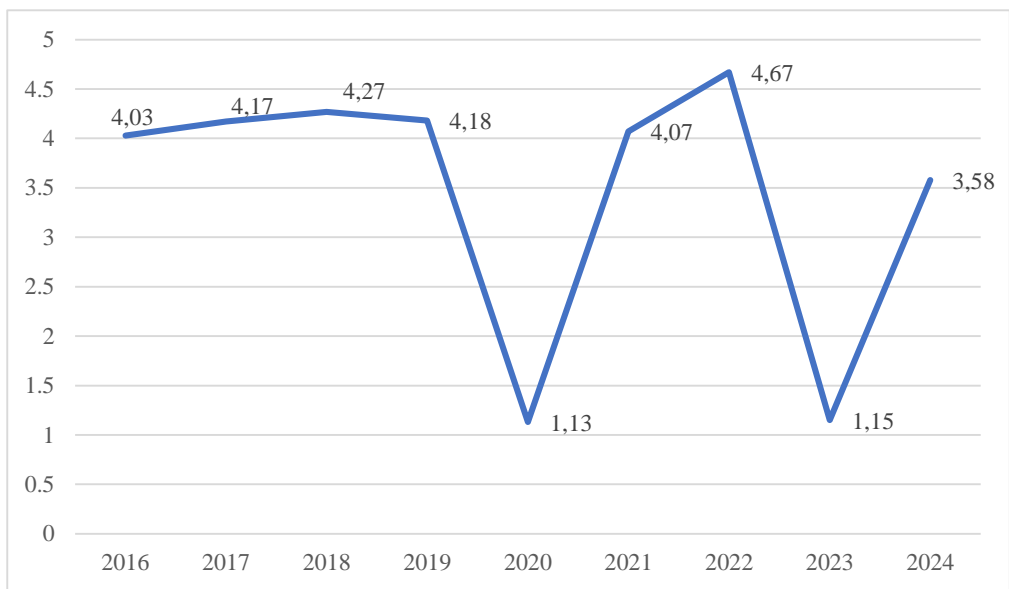
Năm	Hà Nội	Hải Phòng	Quảng Ninh	Hải Dương	Hưng Yên	Bắc Ninh	Vĩnh Phúc
2015	54,30	9,74	8,45	4,42	5,57	8,86	8,65
2016	54,28	9,59	8,66	4,41	5,56	8,92	8,58
2017	53,08	10,05	8,69	4,36	5,48	9,96	8,37
2018	51,87	10,92	8,90	4,37	5,52	10,13	8,29
2019	51,11	12,01	9,27	4,38	5,60	9,38	8,25
2020	50,70	12,90	9,31	4,27	5,69	9,07	8,05
2021	48,98	13,82	9,74	4,38	5,71	9,15	8,22
2022	48,36	14,29	9,74	4,37	5,98	9,02	8,24
2023	47,65	14,78	10,03	4,41	6,16	9,14	7,82
2024	47,57	15,57	10,19	4,55	6,26	9,08	6,78

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Trong năm đầu của giai đoạn, GRDP theo giá so sánh của Hà Nội chiếm hơn 54% tổng GRDP của cả vùng, sau một thập kỷ con số này giảm 7% xuống

còn hơn 47%. Cùng lúc đó là sự gia tăng đáng kể của Hải Phòng, tăng một phần của Quảng Ninh. Mức sụt giảm tuy không lớn nhưng cho thấy sự thay đổi về vai trò dẫn dắt của kinh tế thủ đô trong kinh tế toàn vùng ĐBSH.

Hệ quả là đóng góp điểm phần trăm tăng trưởng của Hà Nội cũng có xu hướng giảm nhẹ và không ổn định trong cùng khoảng thời gian. Sau một thập kỷ, kinh tế Hà Nội đóng góp bình quân 4 điểm phần trăm tăng trưởng cho tăng trưởng bình quân chung của cả vùng.



Hình 1. Điểm tăng trưởng phần trăm đóng góp của Hà Nội trong tổng điểm tăng trưởng của vùng kinh tế ĐBSH

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Về thu hút FDI, trong khi tỷ trọng thu hút FDI của Hà Nội trong tổng thu hút FDI của toàn vùng giữ nguyên ở mức hơn 12% (cho dù có những thời điểm tỷ trọng này tăng lên rất cao, tuy nhiên tính ổn định không được giữ vững qua từng năm), thì tỷ trọng của Hải Phòng và Quảng Ninh tăng hơn 2 lần (Hải Phòng từ 11,73% năm 2015 lên 27,79% năm 2024; Quảng Ninh từ 5,64% năm 2015 lên 16,19% năm 2024). Các dự án FDI tiêu biểu trong giai đoạn có vốn đầu tư lớn đều rơi vào các tỉnh, thành phố lân cận không phải Hà Nội, chẳng hạn dự án LG Display của Hàn Quốc với số vốn 1,5 tỷ USD (2016) và nâng lên tổng đầu tư 5,65 tỷ USD (2024) tại khu công nghiệp Đình Vũ - Cát Hải, Hải Phòng; dự án tổ hợp đóng gói - kiểm định bán dẫn tại khu công nghiệp Yên Phong II của Amkor Technology (Hoa Kỳ) với số vốn 1,6 tỷ USD tại Bắc Ninh; dự án đầu tư của Jinko Solar (Trung Quốc) tại khu công nghiệp Sông Khoái Hạ Long, Quảng Ninh với số vốn đầu tư gần 0,9 tỷ USD.

**Bảng 2. Tỷ trọng thu hút FDI của các tỉnh thuộc vùng kinh tế ĐBSH
giai đoạn 2015-2024**

Đơn vị: %

Năm	Hà Nội	Hải Phòng	Quảng Ninh	Hải Dương	Hưng Yên	Bắc Ninh	Vĩnh Phúc
2015	12,75	11,73	5,64	5,96	4,42	55,06	4,45
2016	29,29	37,73	8,69	4,58	6,32	7,67	5,71
2017	18,59	11,64	9,38	4,93	3,77	47,00	4,69
2018	47,14	23,26	2,08	5,63	4,96	12,75	4,19
2019	25,33	23,65	4,90	10,00	7,77	14,87	13,48
2020	18,82	29,18	5,45	10,46	6,46	20,84	8,79
2021	2,41	51,73	9,76	3,11	6,75	16,22	10,01
2022	3,63	31,73	9,57	5,65	11,38	31,01	7,04
2023	20,83	24,06	22,08	9,28	7,08	12,39	4,27
2024	12,16	27,79	16,19	4,60	7,88	28,01	3,38

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Với những dấu hiệu suy giảm ở trên, Hà Nội có đang rơi vào trường hợp của những thành phố như Liverpool (Anh), Detroit (Hoa Kỳ). Câu trả lời là không dựa trên các phân tích đã được thực hiện ở các trường hợp của Tokyo (Nhật Bản), Seoul (Hàn Quốc) và Thẩm Quyển (Trung Quốc).

Trong trường hợp Hà Nội, việc các tỉnh lân cận nổi lên không nhất thiết phản ánh sự suy yếu của Thủ đô, mà có thể là bước tiến hóa tự nhiên của một vùng phát triển đa cực, trong đó Hà Nội đóng vai trò trục kết nối tri thức - thể chế - lãnh đạo vùng thay vì trung tâm sản xuất công nghiệp. Nói cách khác, Hà Nội đang chuyển từ vị thế “cực vật chất” sang “cực kiến tạo” - quá trình phù hợp với xu hướng của nhiều đô thị tiên tiến trên thế giới.

Trong giai đoạn 2010-2020, Hà Nội đóng vai trò cực tăng trưởng, với tập trung đầu tư hạ tầng, khu công nghệ cao Hòa Lạc, Đại học Quốc gia, và trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia. Với giai đoạn 2020-2030, thành phố hướng tới phát triển đô thị thông minh, kinh tế sáng tạo, và chính quyền điện tử - tức chuyển trọng tâm từ tăng trưởng vật chất sang kiến tạo thể chế và tri thức cộng đồng. Theo hướng này, Hà Nội không cần duy trì vị thế độc tôn, mà cần dẫn dắt vùng bằng năng lực điều phối, lan tỏa tri thức, và đồng kiến tạo chính sách vùng - tương tự vai trò của Tokyo hay Seoul trong mạng lưới vùng đô thị Châu Á.

Thật vậy, trên thực tế kinh tế Hà Nội đang chuyển dần sang ngành dịch vụ, khu vực cung cấp các hỗ trợ cần thiết cho ngành sản xuất như tài chính, ngân hàng, giáo dục, R&D, trong khi các tỉnh, thành phố lân cận gia tăng ngành công nghiệp.

Hình 3. Cơ cấu kinh tế của các tỉnh, thành phố thuộc khu vực kinh tế ĐBSH năm 2015 và 2024

Đơn vị: %

	Tỷ trọng dịch vụ	Tỷ trọng nông, lâm ngư nghiệp	Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng		Tỷ trọng dịch vụ	Tỷ trọng nông nghiệp	Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng
Hà Nội	54	4,5	41,5	Hà Nội	65,6	1,96	22,79
Hải Phòng	56,5	5,1	38,3	Hải Phòng	35,95	3,46	54,81
Quảng Ninh	43,4	6	50,6	Quảng Ninh	33,4	4,5	50,8
Hải Dương	30,5	10,2	59,3	Hải Dương	27,1	8,7	56,8
Hung Yên	37,47	13,54	48,98	Hung Yên	24,85	6,72	62,66
Bắc Ninh	24,3	6,1	69,6	Bắc Ninh	22,09	2,96	70,77
Vĩnh Phúc	28,11	9,77	62,12	Vĩnh Phúc	30	6,5	62
Năm 2015				Năm 2024			

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

Trong giai đoạn 2015-2024, ngoại trừ Vĩnh Phúc tăng nhẹ tỷ trọng dịch vụ (từ 28,1% lên 30%), hầu hết các tỉnh vùng ĐBSH - đặc biệt là Hải Phòng và Quảng Ninh - đều chứng kiến sự sụt giảm mạnh của khu vực dịch vụ (Hải Phòng giảm khoảng 20%, Quảng Ninh giảm 10%). Ngược lại, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng nhanh, nổi bật tại Hải Phòng (+16%) và Hưng Yên (+13%), phản ánh xu hướng dịch chuyển sản xuất công nghiệp từ Hà Nội ra các địa phương vệ tinh. Đối với Hà Nội, thay vì cạnh tranh bằng công nghiệp truyền thống, thành phố đã chuyển hướng thu hút FDI sang các ngành dịch vụ và công nghệ cao, trong đó R&D trở thành chìa khóa chiến lược. Nhờ lợi thế nguồn nhân lực chất lượng cao, hệ thống đại học, viện nghiên cứu dày đặc và khu công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội đang thu hút mạnh các dự án trung tâm dữ liệu, phần mềm, và nghiên cứu - phát triển của các tập đoàn quốc tế. Theo thống kê, lĩnh vực hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chiếm khoảng 12,4% tổng vốn FDI lũy kế vào Hà Nội (VnEconomy, 2025), cho thấy xu hướng đầu tư hướng tới giá trị gia tăng và đổi mới sáng tạo. Thành phố cũng ban hành các cơ chế ưu đãi về chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực, và phát triển hạ tầng số, đồng thời đẩy mạnh cải cách hành chính và kết nối vùng. Nhờ đó, Hà Nội đang từng bước khẳng định vai trò trung tâm R&D và dịch vụ công nghệ cao của Việt Nam, tạo động lực tăng trưởng mới, chất lượng và bền vững cho kinh tế Thủ đô.

Trong bối cảnh vùng ĐBSH chuyển từ mô hình công nghiệp - đầu tư sang kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo, Hà Nội đang khẳng định vai trò trục tri thức vùng nhờ hệ sinh thái khoa học - công nghệ và giáo dục đại học phát triển nhất cả nước. Với mạng lưới đại học trọng điểm như Đại học Quốc gia Hà Nội, Bách Khoa Hà Nội cùng các viện nghiên cứu đầu ngành, thủ đô trở thành trung tâm đào tạo nhân lực và sản sinh tri thức, công nghệ, ý tưởng đổi mới. Bên cạnh đó, khu công nghệ cao Hòa Lạc và trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) là hạt nhân liên kết Nhà nước - doanh nghiệp - viện trường, lan tỏa công nghệ và mô hình R&D ra Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Vĩnh Phúc. Các tập đoàn như Samsung, Amkor, VinFast đã hình thành mạng lưới R&D liên vùng kết nối với Hà Nội (Nguyễn, 2012), góp phần củng cố vị thế thủ đô tri thức và nâng cao năng suất tổng hợp (TFP) toàn vùng.

Hà Nội đang chuyển từ vai trò trung tâm hành chính - chính trị sang điều phối thể chế vùng, xây dựng nền tảng quản trị chung cho tăng trưởng dựa trên tri thức. Thành phố không chỉ quản lý trong phạm vi hành chính mà còn phối hợp liên tỉnh, chia sẻ dữ liệu, chuẩn hóa hạ tầng số và phát triển thị trường lao động chất lượng cao, hình thành mạng lưới R&D và đổi mới sáng tạo vùng. Cách tiếp cận này giúp các địa phương như Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Vĩnh Phúc cùng tham gia chuỗi giá trị tri thức, khai thác hiệu quả nguồn lực vùng. Mô hình này tương đồng với vùng đô thị tri thức mở rộng do OECD (2020) và UN-Habitat (2022) khuyến nghị, trong đó thành phố trung tâm điều phối thể chế thay vì độc quyền nguồn lực.

Hà Nội đã thể chế hóa vai trò này qua Điều 44 Luật Thủ đô (sửa đổi 2024), quy định trách nhiệm chủ trì liên kết phát triển vùng, mở rộng từ vùng Thủ đô sang ĐBSH. Đặc biệt, Quy hoạch Thủ đô 2021-2030, tầm nhìn 2050 xác định nhiệm vụ xây dựng cơ chế điều phối và phát triển hạ tầng liên vùng, khẳng định Hà Nội là hạt nhân thể chế vùng (Viện Chiến lược phát triển, 2023). Hiện vùng ĐBSH đang hình thành ba tầng liên kết. Một là liên kết ngang qua trục Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh với tam giác logistics (GSO, 2022). Hai là liên kết dọc giữa Hà Nội và các tỉnh vệ tinh qua hợp tác R&D, đào tạo, khởi nghiệp. Ba là liên kết mạng lưới thông qua Hội đồng vùng và NIC, tạo hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đa trung tâm, lấy Hà Nội làm hạt nhân lan tỏa.

Tổng kết lại, sự chuyển đổi của Hà Nội - từ cực tăng trưởng vật chất sang cực kiến tạo - có thể được mô tả bằng Bảng 4 dưới đây. Quá trình chuyển đổi này thể hiện sự tiến hóa tự nhiên của một cực tăng trưởng từ tập trung vật chất sang tập trung tri thức và cuối cùng tiến tới tập trung thể chế - xã hội. Những phân tích ở trên cho thấy Hà Nội đang ở vùng chuyển đổi giữa giai đoạn I và II. Kết nối thể chế, giao thông và tri thức mới được hình thành ở bước đầu, chủ yếu thông qua các dự án hạ tầng và khuôn khổ hợp tác vùng. Tuy nhiên, để hình thành một không gian phát triển thực sự thống nhất và lan tỏa tri thức, Hà Nội cần thúc đẩy

manh mẽ hơn vai trò điều phối thể chế, đẩy nhanh kết nối hạ tầng liên vùng, đồng thời xây dựng mạng lưới chia sẻ dữ liệu, nhân lực và đổi mới sáng tạo trên quy mô toàn vùng.

Bảng 4. Các giai đoạn biến đổi từ mô hình cực tăng trưởng sang mô hình kiến tạo

Giai đoạn	Logic phát triển	Nguồn lực chủ đạo	Vai trò của Nhà nước	Cấu trúc vùng	Ví dụ quốc tế
I. Cực tăng trưởng	Tăng trưởng tập trung, hiệu ứng lan tỏa vật chất	Vốn, đất đai, lao động	Điều hành - đầu tư trực tiếp	Trung tâm - vệ tinh	Tokyo (1950s), Seoul (1970s), Thâm Quyển (1980s)
II. Cực tri thức	Phát triển dựa trên công nghệ và đổi mới	Tri thức, R&D, nhân lực chất lượng cao	Hỗ trợ - điều phối	Mạng lưới cụm ngành, khu công nghệ cao	Seoul (2000s), Thâm Quyển (2010s)
III. Đô thị kiến tạo	Phát triển dựa trên thể chế học hỏi và hợp tác xã hội	Thế chế, niềm tin, văn hóa sáng tạo	Kiến tạo - đồng kiến tạo	Mạng lưới đa cực, cộng đồng sáng tạo	Tokyo (2020s), Seoul (2000s)

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả

5. Hàm ý chính sách

Với việc sáp nhập các tỉnh thành (tháng 6/2025), vùng kinh tế ĐBSH cũng được điều chỉnh về quy mô và cơ cấu. Cụ thể ngày 05/10/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 306/NQ-CP điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Vùng kinh tế ĐBSH sẽ bao gồm các tỉnh, thành phố mới sau Hà Nội, Hải Phòng (Hải Dương và Hải Phòng cũ), Ninh Bình (Hà Nam, Ninh Bình và Nam Định cũ), Hưng Yên (Thái Bình và Hưng Yên cũ), Bắc Ninh (Bắc Giang và Bắc Ninh cũ) và Quảng Ninh.

Tỷ trọng GRDP sau khi sáp nhập của các tỉnh thành phố thuộc vùng kinh tế ĐBSH thay đổi như sau: Hà Nội (42,28%), Hải Phòng (19,52%), Bắc Ninh (13,04%), Quảng Ninh (10,3%), Ninh Bình (7,96%) và Hưng Yên (6,89%). So với con số tương ứng năm 2024 trước khi sáp nhập các tỉnh, tỷ trọng đóng góp của Hà Nội còn sụt giảm hơn nữa từ 47% xuống còn hơn 42% (tính toán các con số liên quan đến FDI cũng ra kết quả tương tự).

Điều đó cho thấy trước tiên, Hà Nội cần làm quen với tỷ trọng đóng góp vào kinh tế vùng sẽ tiếp tục giảm trong tương lai, thay vào đó Hà Nội sẽ đóng một vai trò mới vai trò kiến tạo phát triển cho các tỉnh thành phố trong vùng.

Nhận thức này cần phải được quán triệt ở từng cấp đảng, chính quyền của thành phố. Thứ hai, thành phố cần thúc đẩy các hiệp định hợp tác vùng về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và giáo dục đại học, hướng tới mô hình quản trị đa trung tâm và linh hoạt, nơi các địa phương cùng phát huy lợi thế riêng. Cơ chế điều phối vùng nên được thể chế hóa dưới hình thức Hội đồng phát triển vùng Thủ đô mở rộng, kết nối chính quyền - doanh nghiệp - viện trường, hỗ trợ dữ liệu mở, tiêu chuẩn vùng và chính sách học hỏi chung. Thứ ba, thay vì cạnh tranh thu hút FDI, Hà Nội nên tập trung vào các ngành upstream như giáo dục đại học, nghiên cứu - phát triển (R&D) và dịch vụ hỗ trợ sản xuất (tài chính, bảo hiểm, tư vấn công nghệ). Thành phố nên dẫn dắt việc hình thành hành lang tri thức vùng, kết nối các trung tâm R&D, đại học và khu công nghệ cao với các đô thị vệ tinh (Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Vĩnh Phúc). Thứ tư, phát triển bản sắc và văn hóa hợp tác vùng, thông qua thương hiệu như Vành đai đổi mới sáng tạo ĐBSH hoặc Khu vực thông minh ĐBSH, cùng các sự kiện Hội chợ tri thức hay Liên hoan đổi mới sáng tạo vùng. Thứ năm, Hà Nội nên đẩy mạnh lan tỏa thể chế và bao trùm xã hội bằng việc chia sẻ kinh nghiệm chính quyền số, quản trị đô thị và ngân sách tham gia với các tỉnh vệ tinh.

Khi Hà Nội thực hiện các chuyển đổi này, cấu trúc vùng sẽ cân bằng hơn: Hà Nội giảm áp lực hạ tầng và dân cư, trong khi các địa phương khác được tiếp sức bởi nguồn lực tri thức, công nghệ và quản trị tiên tiến, hình thành vùng kinh tế - tri thức năng động và bền vững.

6. Kết luận

Chuyển đổi vai trò của Hà Nội từ “cực tăng trưởng” sang “cực kiến tạo” là bước đi tất yếu, phản ánh sự trưởng thành của nền kinh tế vùng trong kỷ nguyên số và toàn cầu hóa. Việc tỷ trọng GRDP của Hà Nội giảm tương đối không phải là dấu hiệu suy yếu, mà là kết quả của quá trình phân bổ lại động lực phát triển giữa trung tâm và vệ tinh - khi Hà Nội chuyển từ vai trò sản xuất sang điều phối tri thức, thể chế và lan tỏa đổi mới, trở thành trục tri thức vùng như Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu: “Hà Nội phải kiến tạo một mô hình quản trị hoàn toàn mới... từ quản lý sang kiến tạo, từ chông chéo, rời rạc sang đồng bộ, tích hợp” (Báo điện tử Người lao động, 2025). So sánh với Tokyo, Seoul, Thẩm Quyển và Pittsburgh cho thấy, điểm chung của các đô thị thành công là năng lực học hỏi thể chế, tái cấu trúc mạng lưới tri thức và xây dựng văn hóa hợp tác vùng. Hà Nội đang đi đúng hướng với những cải cách thể chế, quy hoạch vùng và hạ tầng số, nhưng vẫn cần hoàn thiện mô hình điều phối đa trung tâm và cơ chế lan tỏa kiến tạo bao trùm. Với số liệu đầy đủ hơn trong khoảng thời gian dài hơn, nghiên cứu trong tương lai có thể sử dụng mô hình lan tỏa không gian với các chỉ số như TFP, GIS để kiểm chứng cường độ tác động từ nền kinh tế Hà Nội đến các tỉnh thành khác trong vùng ĐBSH.

Tài liệu tham khảo

- Báo điện tử Người lao động (2025), Kiến tạo thủ đô văn hiến - bản sắc - sáng tạo, <https://nld.com.vn/kien-tao-thu-do-van-hien-ban-sac-sang-tao-196251016221500823.htm>, truy cập ngày 05/10/2025.
- Boudeville, J.R. (1967), “Problems of regional economic planning”, *The Economic Journal*, Vol. 77 No. 307, pp. 629-630.
- Chen, X. & de’Medici, T. (2013), “The “instant city” coming of age: China’s shenzhen special economic zone in thirty years”, *Urban Geography*, Vol. 31 No. 8, pp. 1141-1147.
- Cheng, J., Chen, M. & Tang, S. (2023), “Shenzhen - a typical benchmark of Chinese rapid urbanization miracle”, *Cities*, Vol. 140, 104421.
- Evans, P. (1995), *Embedded Autonomy: States and Industrial Transformation*, Princeton, NJ: Princeton University Press.
- Fujita, K. & Hill, R.C. (1993), “Japanese cities: conflicts in urban & regional development”, *Temple University Press*, https://books.google.com.vn/books/about/Japanese_Cities.html?id=gWpumAEACAAJ&redir_esc=y, truy cập ngày 04/10/2025.
- Fujita, M. & Thisse, J.F. (2002), “Economics of agglomeration: cities, industrial location, and regional growth”, *Cambridge: Cambridge University Press*, <https://assets.cambridge.org/97805218/01386/sample/9780521801386ws.pdf>, truy cập ngày 03/10/2025.
- Hideaki, O. (2023), “Creative experiments in urbanism”, *Tokyo Updates*, <https://www.tokyoupdates.metro.tokyo.lg.jp/en/post-1160/>, truy cập ngày 05/10/2025.
- Investcorp (2022), “The emergence of China’s Greater Bay Area”, *INVESTCORP*, <https://www.investcorp.com/wp-content/uploads/2022/11/The-Emergence-of-China-Greater-Bay-Area-Nov-2022.pdf>, truy cập ngày 05/10/2025.
- Jeannerat, H. & Crevoisier, O. (2016), “From ‘territorial innovation models’ to ‘territorial knowledge dynamics’: on the learning value of a new concept in regional studies”, *Regional Studies*, Vol. 50 No. 2, pp. 185-188
- National Bureau of Statistics of China (2001), “The statistical yearbook of 2000”, <https://www.stats.gov.cn/english/statisticaldata/yearlydata/YB2001e/ml/indexE.htm>, truy cập ngày 05/10/2025.
- Nguyễn, V.H. (2012), “Liên kết vùng từ lý luận đến thực tiễn”, *Kỷ yếu Diễn đàn Kinh tế mùa thu*, pp. 418-443.
- OECD (2005), “OECD territorial reviews: Seoul, Korea”, https://www.oecd.org/en/publications/oecd-territorial-reviews-seoul-korea-2005_9789264012660-en.html, truy cập ngày 04/10/2025.
- OECD (2020), “OECD regions and cities at a glance 2020”, <http://doi.org/10.1787/959d5ba0-en>, truy cập ngày 04/10/2025.
- Parr, J.B. (1999), “Growth-pole strategies in regional economic planning: a retrospective view: part 1. origins and advocacy”, *Urban Studies*, Vol. 36 No. 7, pp. 1195-1215.

- Perroux, F. (1950), “Growth poles. economic space: theory and applications”, *Quarterly Journal of Economics*, Vol. 64, pp. 89-104.
- Raagmaa, G. (2001), “Regional identity and social capital in regional economic development and planning”, *ERSA Conference Papers*, <https://www.sre.wu.ac.at/ersa/ersaconfs/ersa01/papers/full/194.pdf>, truy cập ngày 04/10/2025.
- Rodrik, D. (2004), “Rethinking growth strategies”, *UNU World Institute for Development Economics Research*, <https://www.wider.unu.edu/sites/default/files/AL08-2004.pdf>, truy cập ngày 04/10/2025.
- Seoul Metropolitan Government (2019), “Seoul to set up ‘S-Data,’ an integrated storage for all public data”, *Seoul Metropolitan Government*, <https://english.seoul.go.kr/seoul-to-set-up-s-data-an-integrated-storage-for-all-public-data/>, truy cập ngày 04/10/2025.
- UN-Habitat (2019), “The story of Shenzhen: its economic, social and environmental transformation”, *UN-Habitat*, https://unhabitat.org/sites/default/files/2019/11/the_story_of_shenzhen_2nd_edition_sep_2019.pdf, truy cập ngày 05/10/2025.
- Tổng cục Thống kê (2022), *Niên giám thống kê năm 2022*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- VnEconomy (2025), “Hà Nội đẩy mạnh thu hút nhà đầu tư chiến lược qua các cơ chế ưu đãi mới”, <https://vneconomy.vn/ha-noi-day-manh-thu-hut-nha-dau-tu-chien-luoc-qua-cac-co-che-uu-dai-moi.htm>, truy cập ngày 06/10/2025.
- Viện Chiến lược phát triển (2023), *Khung định hướng quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng 2021-2030, tầm nhìn đến 2050*, Báo cáo trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội, tháng 8/2023.
- World Bank (2024), “A story of urban development in Korea: from overconcentration toward balanced territorial development and urban regeneration”, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099061824045029920/pdf/P176974-1e0a8f5e-221f-46b9-a72e-773502f30b22.pdf>, truy cập ngày 05/10/2025.